TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2022
V/v: tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Kim Dung và ông Nguyễn Văn Kền

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 654/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, về việc "tranh chấp về hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** chị Phạm Thị Y, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ 9B, khu 7, phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*** Bị đơn:** anh Bùi Đình C, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 9B, khu 7, phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Y trình bày:*

- Về tình cảm: chị Y và anh C kết hôn năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên sa đà vào việc sử dụng rượu bia thái quá và luôn cư xử thiếu tôn trọng chị Y và các con. Thực trạng trên diễn ra từ năm 2013 đến nay làm cho chị Y và các con luôn mệt mỏi về tinh thần, vợ chồng không còn sự yêu thương quý trọng lẫn nhau. Tuy nhiên, vì các con chung và để tránh điều tiếng tại địa phương nên chị Y vẫn nhẫn nhịn, chịu đựng. Đến tháng 12 năm 2021, chị Y do không thể chịu đựng hơn được nữa nên đã về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Trong

thời gian vợ chồng sống ly thân, anh C vẫn thường xuyên nhắn tin, đến nơi ở của chị Y đe dọa, xúc phạm. Nay chị Y không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh C được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh C

- Về con chung: chị Y và anh C có 02 con chung: Bùi Đình Bảo A, sinh ngày 24/6/2004 và Bùi Hà A, sinh ngày 02/02/2011. Chị Y đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y

- Về tài sản chung: chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: chị Y trình bày không có

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2022, bị đơn anh Bùi Đình C trình bày:

- Về tình cảm: về việc chung sống, kết hôn anh C có lời khai như nội dung lời khai của chị Y nêu trên. Về thực trạng cuộc sống vợ chồng anh C khai những năm đầu anh, chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó thỉnh thoảng có xảy ra xích mích xuất phát từ sinh hoạt hàng ngày. Sau những xích mích tình cảm vợ chồng lại được hàn gắn và chung sống hòa thuận. Về lối sống: anh, chị đều có lối sống lành mạnh, quan tâm, chăm sóc gia đình, không sa đà vào bất kỳ tệ nạn xã hội nào và sống chung thủy với nhau. Tuy nhiên, anh C thi thoảng giao lưu bạn bè và có sử dụng rượu bia, chị Y không thông cảm nên lời qua tiếng lại. Cuộc sống giữa vợ chồng anh chị mấy năm trở lại đây hoàn toàn bình thường, ổn định và không có điều tiếng gì tại địa phương. Do mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh C không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

- Về con chung: về tên, tuổi các con chung anh C khai như nội dung lời khai chị Y nêu trên. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh C nhất trí với quan điểm của chị Y về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con như nêu trên.

- Về tài sản chung: anh C không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về khoản nợ chung: anh C trình bày vợ chồng không có nợ chung.

* Các tài liệu, chứng cứ khác do các đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập gồm:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn kèm theo đơn khởi kiện, gồm: giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); sổ hộ khẩu gia đình (01 bản sao); thẻ căn cước công dân (02 bản sao); giấy khai sinh (02 bản sao).

- Tài liệu do nguyên đơn giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án: 02 bản pho tô có nội dung tin nhắn qua điện thoại.

- Biên bản lấy lời khai hồi 15 giờ 30 phút và biên bản lấy lời khai hồi 15 giờ 45 phút, đều đề ngày 24 tháng 01 năm 2022 thể hiện: các con chung của anh chị đều có nguyện vọng được chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Tại biên bản xác minh ngày 01/4//2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như sau: chị Phạm Thị Y và anh Bùi Đình C kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Khoảng hơn 10 năm nay, anh chị đăng ký thường trú và thường xuyên sinh sống tại Tổ 9B, khu

7, phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Những năm đầu chung sống tại địa phương, cuộc sống giữa anh chị rất khép kín nên không thấy điều tiếng gì. Tuy nhiên, thời gian gần đây, theo nắm bắt dư luận tại địa phương thì anh, chị chung sống không mấy hòa thuận, hạnh phúc, nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được, chỉ biết chị Y đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2021 đến nay. Trong thời gian anh, chị ly thân, chị Y nhiều lần đến trình báo với địa phương về việc bị anh C chửi bới, xúc phạm. Về lối sống: anh, chị đều có lối sống lành mạnh, không có điều tiếng gì, chị Y có công việc làm ổn định, lo toan và chăm sóc cho gia đình, còn anh C theo dư luận không có việc làm và thu nhập ổn định.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát Viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành, không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều: 58, 81,82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Y, về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

+ Về tình cảm: xử cho chị Phạm Thị Y ly hôn với anh Bùi Đình C·

+ Về con chung: giao cho chị Bùi Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Bùi Đình Bảo A, sinh ngày 24/6/2004 và Bùi Hà A, sinh ngày 02/02/2011 cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y.

+ Về tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét

+ Về khoản nợ chung: các đương sự đều trình bày không có, nên không xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: xét đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Y là tranh chấp về ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn phố H. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy

định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

1- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập nêu trên có đủ cơ sở xác định:

* Về tình cảm:

Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Đình C chung sống với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp. Về thực trạng cuộc sống vợ chồng, chị Y cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài từ năm 2013 đến nay, xuất phát từ lối sống, ứng xử, trách nhiệm của anh C trong cuộc sống gia đình, còn anh C không thừa nhận mà cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chưa đến mức trầm trọng. Hội đồng xét xử thấy: Theo kết quả xác minh nêu trên thể hiện anh C không có công việc làm và thu nhập ổn định, trong thời gian sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay chị Y nhiều lần trình báo với địa phương về việc bị anh C chửi bới, xúc phạm. Mặt khác, lời khai của anh C trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh C có sử dụng rượu bia, là nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Xét lời khai của chị Y về thực trạng mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với biên bản xác minh, phù hợp với lời khai của anh C nên đảm bảo tính khách quan. Về lối sống của chị Y, theo kết quả xác minh và lời khai của anh C đều xác nhận chị Y có lối sống lành mạnh, không có điều tiếng gì tại địa phương, có công việc làm và thu nhập ổn định, là người lo toan, quan tâm, chăm sóc gia đình, không sa đà vào bất kỳ tệ nạn xã hội nào và chung thủy. Do đó, đủ cơ sở xác định chị Y luôn tôn trọng gia đình và làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ trong gia đình.

Từ đánh giá trên thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị không xuất phát từ phía chị Y mà xuất phát từ trách nhiệm, lối sống và ứng xử của anh C trong cuộc sống gia đình, làm cho mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, dẫn đến thực trạng vợ chồng không còn sự yêu thương, qúy trọng lẫn nhau, đã sống ly thân và không ai còn quan tâm đến ai.

Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Y, xử cho chị Y ly hôn với anh Bùi Đình C.

Về tài liệu có nội dung tin nhắn do chị Y cung cấp nêu trên, chị Y cho rằng đó là nội dung anh C nhắn tin chửi bới, xúc phạm chị Y qua điện thoại. Tuy nhiên, các tài liệu trên không hiển thị số điện thoại người gửi đến, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Y không cung cấp được chứng cứ nào khác. Do đó, không đủ cơ sở xác định các nội dung tin nhắn trên là do anh C nhắn cho chị Y.

*Về con chung: anh, chị có 02 con chung có tên, tuổi như nêu trên. Xét đề nghị của chị Y về người trực tiếp nuôi con chung và về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung như nêu trên là phù hợp với nguyện vọng, đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của các con chung, nên cần chấp nhận. Do đó, cần giao cho chị Phạm

Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y.

*Về tài sản chung: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về khoản nợ chung: các đương sự không có khoản nợ chung, nên không xét.

[3] Về án phí: chị Phạm Thị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Y, về việc: "tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

- *Về tình cảm*: xử cho chị Phạm Thị Y ly hôn với anh Bùi Đình C

- *Về con chung*: giao cho chị Phạm Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung: Bùi Đình Bảo A, sinh ngày 24/6/2004 và Bùi Hà A, sinh ngày 02/02/2011 cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3.Về án phí**:** căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Y đã nộp, theo biên lai thu số 0000264 ngày 18/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng